

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ÂN THI  
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 10/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 18 tháng 02 năm 2022  
“ V/v ly hôn, nuôi con chung ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI, TỈNH HUNG YÊN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Hoàng Lương Hồng

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Dương Thị Thu Hồng

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thư ký toà án huyện Ân Thi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà: Ông Vũ Đức Sam -Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 159/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc Ly hôn, nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/DSST- QĐXX ngày 12/01/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 07/2022/ QĐST-DS ngày 26/01/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1989; (có đơn xin xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1985

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Đỗ Thanh L, sinh năm 2013

+ Cháu Đỗ Thanh S, sinh năm 2016

Đại diện hợp pháp của cháu L và S: chị T;

Các đương sự đều trú tại: thôn C, xã N, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị và anh H là hàng xóm, nhà cạnh nhau nên có thời gian tìm hiểu và đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi đăng ký, gia đình hai bên có tổ chức cưới cho anh, chị; Sau cưới chị T về ngay

nhà anh H ở. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau được hai con trai là cháu L và cháu S. Sau khi kết hôn anh H đi lao động bên Hàn Quốc 5 năm. Trong thời gian sinh nở hai cháu anh H đều không có mặt ở nhà. Năm 2016 khi anh H nghỉ phép về Việt Nam được 25 ngày thì chị tình cờ phát hiện anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác cũng là người Việt Nam lao động bên Hàn Quốc; chị T có nói thì anh H xin lỗi và hứa không như vậy. Năm 2018 chị lại thấy anh H nhắn tin tiếp tục với người phụ nữ, khi đó cô ta vẫn ở Hàn Quốc còn anh H đã hết hợp đồng lao động và về Việt Nam. Chị đã đọc được tin nhắn của hai người trong điện thoại của anh H, chị có hỏi và anh H thừa nhận. Khi đó chị định ly hôn nhưng sau đó bỏ qua vì con. Anh H tiếp tục xin lỗi và hứa hẹn không tái phạm. Sau đó, anh H lên Hà Nội làm thuê cho câu họ bán hàng phụ tùng ô tô trên Hà Nội. Đến tháng 5/2021 anh H lại tiếp tục có quan hệ ngoài luồng với một người con gái khác trên Hà Nội. Việc chị phát hiện ra cũng là vào khoảng 11h30 đêm, sau khi dọn hàng xong chị vào nghỉ thì thấy anh H đang nhắn tin với người phụ nữ khác nhưng đã ngủ quên, tin nhắn chưa kịp xóa. Các lần anh H ngoại tình chị đều có nói chuyện với cả bố mẹ hai bên. Chị thấy đã nhiều lần tha thứ nhưng anh H không thay đổi. Thời gian từ khi phát hiện chồng ngoại tình, hai vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn phát sinh và ngày càng trầm trọng; Hai vợ chồng sống ly thân từ 15/5/2021 đến nay; Bố mẹ hai bên có khuyên can nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Cuộc sống của ai người đó lo, kinh tế không chung nhau. Vì hai nhà ngoại và nội là hàng xóm nên vợ chồng ly thân thì nhà ai về nhà đó sống. Con chung thì chủ yếu ở với chị, chỉ cuối tuần anh H mới về nhà. Các cháu vẫn qua lại hai bên ông bà vì nhà gần nhau. Nay xét thấy hôn nhân không hạnh phúc chị T kiên quyết xin ly hôn anh H;

Trước khi tòa án thụ lý vụ án có tiến hành thủ tục hòa giải, chị xác định không còn tình cảm với H. Tuy nhiên, anh H không hợp tác và cũng không quan tâm đến việc hoà giải cũng như giải quyết. Nay chị kiên quyết ly hôn anh H, đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng sinh được hai con chung là Đỗ Thanh L, sinh năm 2013 và Đỗ Thanh S sinh năm 2016. Sau khi ly thân con chung thì chủ yếu ở với chị bên nhà ông bà ngoại chỉ cuối tuần anh H về thì các cháu mới về nhà nội. Các cháu vẫn qua lại hai bên ông bà vì nhà gần nhau. Nay ly hôn chị đề nghị nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng, nếu không được chị T đề nghị được nuôi cháu S còn anh H nuôi cháu L.

Về tài sản chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn- anh Đỗ Văn H, quá trình thực hiện thủ tục hoà giải tại toà án trước khi thụ lý anh H có tham gia buổi hoà giải một lần. Sau khi hoà giải không thành quá trình giải quyết vụ án anh H luôn vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Tại buổi hoà giải tại toà án anh H có ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và đi đến kết hôn đúng như chị T trình bày. Anh H xác định mình có lỗi trong quan hệ hôn nhân tuy nhiên đó chỉ trên tin nhắn chứ không có việc bắt gặp trực tiếp. Anh vẫn

mong chị T suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Anh không đồng ý ly hôn, nếu T kiên quyết thì anh mặc kệ.

Về con chung: Vợ chồng sinh được hai con trai chung là Đỗ Thanh L, sinh năm 2013 và Đỗ Thanh S sinh năm 2016. Anh H cũng đề nghị nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng, nếu không được chấp thuận, anh đề nghị nuôi cháu L còn chị T nuôi cháu S.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết bà Phạm Thị Lan và ông Đỗ Văn Vững là bố mẹ đẻ của anh H cho biết: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc và có hai cháu là L và S. Năm 2016 chị T, anh H có mâu thuẫn cũng do việc nghi ngờ anh H ngoại tình nhưng sau khi được khuyên giải thì mọi việc bình thường. Đến tháng 4/2021 hai vợ chồng H- T lại mâu thuẫn cũng chuyện nghi ngờ H ngoại tình, khi sự việc xảy ra hai ông bà có khuyên giải và cùng với ông bà thông gia khuyên nhưng chị T vẫn bỏ về nhà đẻ sống. Do hai nhà gần nhau nên ông bà vẫn qua lại và hai đứa trẻ con của T- H vẫn chạy qua lại hai nhà. Ông bà không khuyên được chị T quay lại. Nay chị T có đơn ly hôn ông bà cũng quý con, cháu muốn chị T anh H đoàn tụ nhưng không được; chị T kiên quyết xin ly hôn thì ông, bà cũng để chị T, anh H tự quyết định. Về con chung, vợ chồng H, T có hai con chung như chị T trình bày. Khi ly thân thì các cháu vẫn thường xuyên qua lại hai bên vì nhà gần nhau. Chuyện T, H ly hôn hay không thì trách nhiệm nuôi con là chuyện của hai đứa. Hai vợ chồng T, H tự quyết định ông bà không ý kiến gì. Về tài sản chung, công nợ, công sức: ông Vững bà Lan không đề nghị gì.

Bà Đinh Thị Tám, mẹ chị T cho biết: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng H, T chung sống hạnh phúc và có với nhau được hai cháu trai là cháu L và cháu S. Sau khi kết hôn anh H đi lao động bên Hàn Quốc 5 năm. Khi chị T sinh hai cháu anh H đều không có mặt ở nhà. Vợ chồng H- T mâu thuẫn khi nào bà không rõ chỉ biết năm 2016 khi H về nghỉ phép thì T nói có phát hiện việc H ngoại tình là người cùng lao động bên Hàn Quốc. Khi đó gia đình bà cũng có khuyên nhủ và mọi việc đều êm đẹp. Sau đó năm 2018 thì lại tiếp tục chuyện H bị phát hiện ngoại tình, T có làm ầm lên và đòi ly hôn; Hai bên gia đình cũng khuyên can và cũng vì con nên vợ chồng lại quay lại. Đến thời điểm năm 2021 thì chuyện H lại tiếp tục ngoại tình lần nữa, lúc này gia đình hai bên có xúm vào khuyên giải nhưng chị T kiên quyết không nghe. Việc H ngoại tình các lần gia đình hai bên đều được biết và chính anh H thừa nhận cùng xin lỗi bố mẹ và vợ.

Tháng 5/2021 thì chị T dọn đồ về nhà bà và hai vợ chồng H- T sống ly thân từ đó đến nay. Gia đình và ông bà thông gia có khuyên nhưng T kiên quyết không nghe, nay chị T xin ly hôn quan điểm của gia đình: việc ly hôn để anh chị ấy tự quyết, bà không can thiệp.

Về con chung: Vợ chồng T, H sinh được hai con chung là Đỗ Thanh L, sinh năm 2013 và Đỗ Thanh S sinh năm 2016. Hai cháu vẫn sinh hoạt bình thường và

thường xuyên qua lại hai bên nhà. Việc con chung anh chị ấy tự quyết bà không tham gia, chỉ biết gia đình vẫn chăm lo tốt cho các cháu.

Về tài sản chung, công nợ: vợ chồng T, H không vay hay cho gia đình bà vay cũng như đóng góp gì đối với gia đình.

Qua xác minh tại địa phương cho biết: anh H và chị T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 18/12/2012. Quá trình thẩm định và cấp đăng ký kết hôn số 45/KH ngày 18/12/2012 cho hai anh chị là hoàn toàn đúng thủ tục và hợp pháp; Quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh H như thế nào UBND xã không nắm được. Về con chung: hai vợ chồng T- H có hai con chung là Đỗ Thanh L, sinh năm 2013 và Đỗ Thanh S sinh năm 2016 và đều có đăng ký khai sinh tại UBND xã và hiện sống, học tập tại địa phương. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh H, UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với anh H: Quá trình giải quyết vụ án, anh H không có mặt tại nhà, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng, triệu tập theo quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt. Ngày 26/01/2022 Tòa án đã mở phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 233; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 BLTTDS như thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, triệu tập nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác.

- Về thẩm quyền thụ lý: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị T yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung, bị đơn là anh Đỗ Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã N, huyện Ân Thi, tỉnh H Yên. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng theo đúng quy định tại Điều 68, 77 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về trình tự thụ lý vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, thông báo về việc thụ lý vụ án cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 175, Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thực hiện thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiến hành hòa giải và chuẩn bị xét xử: Tòa án đã thực hiện việc thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự theo đúng quy định, đồng thời tiến hành phiên họp và lập biên bản theo đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chuyển giao hồ sơ và gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Ngày 12/01/2022, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06 án định thời gian mở phiên toà vào ngày 26/01/2022. Đến ngày 13/01/2022, tức là khi còn 14 ngày nữa là phiên toà được mở, Tòa án mới chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát để nghiên cứu là vi phạm khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 73, 78 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Đỗ Văn H đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hoà giải, đến tham dự phiên toà nhưng anh H đều vắng mặt, không có lý do đã vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Quan điểm giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Khoản 1 Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị T

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Thanh L cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Giao cháu Đỗ Thanh S cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị T, anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, việc tranh luận và phát biểu của KSV tham gia phiên tòa. HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T có yêu cầu xin ly hôn anh Đỗ Văn H hiện đang cư trú tại: thôn C, xã N, huyện Ân Thi, tỉnh H Yên và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Quá trình giải quyết vụ án chị T đều có mặt, tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn là anh H nhưng anh H không đến Tòa để làm việc. Tòa án đã tiến hành thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đến gia đình của anh H nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Theo chị T nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác chị đã bỏ qua nhiều lần nhưng anh H vẫn tái phạm; Chị không chấp nhận việc anh H ngoại tình. Vợ chồng cũng xuất hiện nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống và đã ly thân từ tháng 5/2021 không ai quan tâm đến ai, chị kiên quyết xin ly hôn. Xét đề nghị của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã ly thân một thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được. Chị T kiên quyết ly hôn; Anh H cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết việc chị T có đơn xin ly hôn anh, như vậy phần nào thể hiện anh H không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: hai vợ chồng T- H có hai con chung là: Đỗ Thanh L, sinh năm 2013 và Đỗ Thanh S sinh năm 2016. Ly hôn chị T đề nghị nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng, nếu không được chị T đề nghị được nuôi cháu S còn anh H nuôi cháu L. Anh H cũng đề nghị nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, nếu không được nuôi cả hai anh H cũng đồng ý anh nuôi cháu L và chị T nuôi cháu S.

Xét nguyện vọng của chị T, anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng của chị T, anh H là hoàn toàn đúng đắn, thể hiện được trách nhiệm của người làm cha làm mẹ đối với các con, tuy nhiên việc giao con cho ai trực tiếp phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế của mỗi bên. Hiện các cháu L và S đều còn nhỏ

và đều đang học tập sinh sống ổn định cùng chị T và anh H; Các cháu chủ yếu ở với chị T, cuối tuần anh H mới về nhà. Do nhà ông bà nội và ngoại của các cháu ngay cạnh nhau nên khi ly thân các cháu vẫn qua lại hai bên gia đình. Cháu S còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn cháu L, quá trình giải quyết chị T và anh H cũng có quan điểm giao cháu L cho anh H và cháu S cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng; Cả chị T và anh H đều là lao động tự do, nếu giao hết cả hai cháu L và S cho một bên nuôi dưỡng sẽ tạo áp lực kinh tế và không đảm bảo cho sự phát triển của các cháu; Do đó, HĐXX thấy rằng việc giao cho chị T nuôi cháu S và anh H nuôi cháu L là phù hợp, các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị T và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238, Khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Đỗ Văn H;

- *Về con chung:* Giao chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Đỗ Thanh S, sinh năm 2016 đến khi thành niên; Giao cho anh Đỗ Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cháu Đỗ Thanh L, sinh năm 2013 đến khi thành niên. Chị T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên đều có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức:* Không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn (được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003022 ngày 10/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi). Chị T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

#### **Nơi nhận**

- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Lương Hồng**